

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 51/2022/DS-PT
Ngày 30 - 5 - 2022
V/v tranh chấp nợ hui

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Lệ Kiều

Các Thẩm phán:

Ông Lê Thanh Hùng

Bà Châu Minh Nguyệt

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Minh Thu - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa:
Ông Trịnh Út Mười - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 5 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 17/2022/TLPT-DS ngày 21 tháng 02 năm 2022 về việc “Tranh chấp nợ hui”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 102/2021/DS-ST ngày 09 tháng 12 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bạc Liêu bị kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 30/2022/QĐ-PT ngày 19 tháng 4 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Ngọc H, sinh năm 1985; địa chỉ: Ấp 2A, xã B, huyện P, tỉnh Bạc Liêu (có mặt).

2. *Đồng bị đơn:*

2.1. Anh Nguyễn Văn H1, sinh năm 1980 (vắng mặt)

2.2. Chị Dương Thị T, sinh năm 1980 (có mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp 3, xã A, huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

3. Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu kháng nghị.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại các đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ngọc H trình bày:

Trước đây chị H có tổ chức chơi hui, vợ chồng anh Nguyễn Văn H1 và chị

Dương Thị T là hội viên có tham gia chơi các dây hội như sau:

- Dây hội thứ nhất: Dây hội 3.000.000 đồng, khai ngày 15/9/2018 (âm lịch), gồm có 26 chung, vợ chồng anh H1, chị T tham gia chơi 01 chung.

Vợ chồng anh H1, chị T hốt hội ở kỳ thứ 4, ngày 15/12/2018 (âm lịch) được số tiền là 49.300.000 đồng. Chị H đã đưa đủ tiền cho vợ chồng anh H1, chị T. Đến kỳ khai hội lần thứ 21 thì vợ chồng anh H1, chị T không đóng cho chị tiền hội chết, chị đã đóng tiền hội thay anh H1, chị T cho các hội viên còn lại đến khi mãn hội. Vợ chồng anh H1, chị T còn thiếu lại chị 05 kỳ hội chết với số tiền 15.000.000 đồng. Dây hội trên bà Nguyễn Kim C và bà Nguyễn Thị Ngọc D cùng địa chỉ ấp 2A, xã B, huyện P, tỉnh Bạc Liêu là người hốt hội cuối cùng của dây hội trên.

- Dây hội thứ hai: Dây hội 3.000.000 đồng, khai ngày 10/02/2019 (âm lịch), gồm có 26 chung, vợ chồng anh H1, chị T tham gia chơi 1 chung.

Vợ chồng anh H1, chị T hốt hội ở kỳ thứ 9, ngày 10/10/2019 (âm lịch) được số tiền là 55.650.000 đồng. Chị đã đưa đủ tiền cho vợ chồng anh H1, chị T và anh H1 có ký nhận. Đến kỳ khai hội lần thứ 16 thì vợ chồng anh H1, chị T không đóng cho chị tiền hội chết, nên đã đóng tiền thay cho anh H1, chị T cho các hội viên còn lại đến khi mãn hội. Vợ chồng anh H1, chị T còn thiếu lại chị 10 kỳ hội chết với số tiền là 30.000.000 đồng. Hiện nay dây hội đã mãn. Dây hội trên bà Phạm Thị T1 và bà Trần Thị K cùng địa chỉ ấp 3, xã A, huyện P, tỉnh Bạc Liêu là người hốt hội cuối cùng của dây hội trên.

Như vậy, tổng số tiền chị đã đóng thay hội chết cho anh H1, chị T của 02 dây hội nêu trên là 45.000.000 đồng. Nay chị H yêu cầu anh H1, chị T có trách nhiệm trả lại cho chị số tiền này. Chị H thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện không tính lãi suất đối với số tiền này.

Quá trình giải quyết vụ án bị đơn chị Dương Thị T trình bày:

Chị T thống nhất với chị H về việc chị và anh H1 có tham gia 02 dây hội, số tiền hốt hội và chị H đã chung đủ tiền hốt hội cho vợ chồng chị. Tuy nhiên, chị T không thống nhất về số tiền còn thiếu lại, cụ thể như sau:

- Đối với dây hội thứ nhất: Dây hội 3.000.000 đồng, khai ngày 15/9/2018 (âm lịch), chị còn thiếu lại chị H ở dây hội trên 03 kỳ hội chết là 9.000.000 đồng chứ không phải là 05 kỳ hội chết là 15.000.000 đồng như chị H trình bày.

- Đối với dây hội thứ hai: Dây hội 3.000.000 đồng, khai ngày 10/02/2019 (âm lịch), chị còn thiếu lại chị H 06 kỳ hội chết số tiền là 18.000.000 đồng chứ không phải là 10 kỳ hội chết như chị H trình bày.

Tổng cộng chị T thừa nhận còn thiếu lại chị H số tiền hội là 27.000.000 đồng và đồng ý trả số tiền này.

- Bị đơn anh Nguyễn Văn H1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, nhưng vắng mặt và cũng không có lời khai tại Tòa án.

Từ nội dung trên, tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 102/2021/DS-ST ngày 09 tháng 12 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bạc Liêu đã quyết định: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Ngọc H. Buộc chị Dương Thị T và anh Nguyễn Văn H1 có nghĩa vụ trả cho chị Nguyễn Thị Ngọc H số tiền hui còn thiếu là 45.000.000 đồng.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên về áp dụng lãi suất trong giai đoạn thi hành án, về án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 07 tháng 01 năm 2022 Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu kháng nghị sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số: 102/2021/DS-ST ngày 09 tháng 12 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bạc Liêu. Tại phiên tòa phúc thẩm, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu giữ nguyên Quyết định kháng nghị.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý đến thời điểm trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án thấy rằng Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Quá trình giải quyết Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng cho đương sự và Viện kiểm sát đúng theo quy định. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa phúc thẩm.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu, sửa một phần Bản án sơ thẩm số: 102/2021/DS-ST ngày 09 tháng 12 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bạc Liêu theo hướng chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị H về việc yêu cầu chị T và anh H1 trả số tiền nợ hui là 27.000.000 đồng, không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị H về việc yêu cầu chị T và anh H1 số tiền nợ hui 18.000.000 đồng; Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của chị H về việc yêu cầu chị T và anh H1 trả số tiền nợ lãi theo quy định pháp luật; Sửa phần án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu toàn bộ các tài liệu chứng cứ có lưu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, nghe ý kiến tranh luận của các đương sự và ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:* Quyết định kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu trong hạn luật định. Căn cứ vào Điều 278 và Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, được chấp nhận xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Bị đơn anh Nguyễn Văn H1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai vắng mặt không có lý do nên tiến hành xét xử vắng mặt anh H1 theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Xét quyết định kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu. Hội đồng xét xử, nhận thấy rằng:

[2.1] Quyết định kháng nghị số 01/QĐKNPT-VKS-DS ngày 07 tháng 01 năm 2022 cho rằng chị H có lập sổ hội nhưng không có ngày góp phần họ, số tiền đã góp họ của từng thành viên; không có chữ ký hoặc điểm chỉ của thành viên khi góp họ và lĩnh họ; chị H yêu cầu khởi kiện nên chị H phải có nghĩa vụ chứng minh. Xét thấy, đây là những quy định chung về hình thức của sổ hội nên không làm ảnh hưởng đến nội dung của giao dịch hội, quyền và nghĩa vụ giữa các bên tham gia chơi hội.

Quá trình giải quyết vụ án các đương sự thống nhất chị Dương Thị T và anh Nguyễn Văn H1 có tham gia hội, do chị H làm chủ hội cụ thể như sau: Dây hội thứ nhất: dây hội 3.000.000 đồng, khai ngày 15/9/2018 (âm lịch), gồm có 26 chung, vợ chồng anh H1, chị T tham gia chơi 01 chung và dây hội thứ hai: dây hội 3.000.000 đồng, khai ngày 10/02/2019 (âm lịch), gồm có 26 chung, vợ chồng anh H1, chị T có tham gia chơi 01 chung. Các dây hội nêu trên chị T, anh H1 đã hốt hội và chị H đã giao đủ tiền hốt hội cho chị T, anh H1. Đồng thời, các bên cũng thống nhất dây hội này hiện nay đã mãn. Hội đồng xét xử xét thấy, đây là những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Theo quy định tại Điều 16 của Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 02 năm 2019 của Chính phủ về họ, hội, biêu, phường thì nghĩa vụ của thành viên hội phải góp phần hội theo thỏa thuận và tại khoản 1 Điều 24 quy định trách nhiệm của thành viên không góp hội là hoàn trả số tiền mà chủ hội đã góp thay cho thành viên. Mặc dù, phía nguyên đơn không lập sổ để thành viên khi góp hội ký tên hoặc điểm chỉ vì các bên không có thỏa thuận cũng như không có yêu cầu ký tên khi góp họ, nhưng phía nguyên đơn chứng minh được đã đóng thay hội chết cho phía bị đơn từ khi ngưng đóng hội cho đến khi hội mãn. Hai bên đã thống nhất dây hội các bên tham gia và anh H1, chị T đã hốt hội và đã nhận đủ tiền hội từ chị H. Do đó, nghĩa vụ chứng minh cho thanh toán tiền hội chết của chị H thuộc về anh H1 và chị T. Hội đồng xét xử xét thấy, quá trình thực hiện nghĩa vụ trả tiền hội sau khi chị T và anh H1 hốt hội, nguyên đơn xác định đã đóng tiền thay cho bị đơn hai dây hội là 45.000.000 đồng, bị đơn xác định chỉ còn nợ chị H số tiền 27.000.000 đồng nhưng phía bị đơn không đưa ra được tài liệu, chứng cứ gì chứng minh là đã trả cho nguyên đơn số tiền chênh lệch là 18.000.000 đồng. Ngoài ra, chị T còn xác định chị không nhớ được ngày chị ngưng đóng hội cho chị H là ngày nào, số tiền còn nợ lại chị H 27.000.000 đồng do tự chị tính toán chứ thực tế chị cũng không theo dõi sổ sách. Xét thấy, chủ hội là người lập hội và có trách nhiệm gom hội của các hội viên trong dây hội giao hội lại cho người được lĩnh hội để được hưởng hoa hồng, nên việc chị T và anh H1 vi phạm nghĩa vụ thanh toán đã làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của chủ hội và các hội viên khác, kể từ ngày chị T và anh H1 ngưng đóng hội thì chị H đã đóng hội thay cho chị T và anh H1 cho đến

khi mãn hạn. Cho nên, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận theo sự xác định của chủ tịch, buộc anh H1 và chị T trả cho chị H số tiền 45.000.000 đồng là có căn cứ.

[2.2] Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn đã xin rút lại yêu cầu tính lãi đối với đồng bị đơn. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm không đình chỉ yêu cầu này là thiếu sót. Xét thấy, việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là tự nguyện, phù hợp với quy định tại Điều 5 và Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Do đó, Hội đồng xét xử sửa phần này của Bản án sơ thẩm và đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của chị H về phần lãi suất.

[3] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận một phần đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa và Kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu về việc đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện; không chấp nhận đối với đề nghị không chấp nhận yêu cầu nguyên đơn đòi trả số tiền hạn 18.000.000 đồng và án phí; sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 102/2021/DS-ST ngày 09 tháng 12 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Dương Thị T và anh Nguyễn Văn H1 phải nộp án phí dân sự sơ thẩm với số tiền là 2.250.000 đồng. Chị Nguyễn Thị Ngọc H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại cho chị H số tiền tạm ứng án phí đã nộp số tiền 1.200.000 đồng theo các biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0009883 ngày 26/01/2021 và 0004793 ngày 18/6/2021.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 5, 26, 35, 39, 92, 147, 148, 244, 278, 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 468, Điều 471 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Điều 16, 24, 27 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 02 năm 2019 của Chính phủ về hộ tịch, biểu, phường.

Chấp nhận một phần kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu; Sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 102/2021/DS-ST ngày 09 tháng 12 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Ngọc H về việc yêu cầu anh Nguyễn Văn H1 và chị Dương Thị T trả lãi.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Ngọc H về việc yêu cầu anh Nguyễn Văn H1 và chị Dương Thị T trả số tiền nợ hạn 45.000.000 đồng.

Buộc anh Nguyễn Văn H1 và chị Dương Thị T có nghĩa vụ trả cho chị Nguyễn Thị Ngọc H số tiền hui là 45.000.000 đồng (Bốn mươi lăm triệu đồng).

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm cho bên được thi hành án khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Chị Dương Thị T và anh Nguyễn Văn H1 phải nộp án phí dân sự sơ thẩm với số tiền là 2.250.000 đồng.

Chị Nguyễn Thị Ngọc H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại cho chị H số tiền tạm ứng án phí đã nộp số tiền 1.200.000 đồng theo các biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0009883 ngày 26/01/2021 và 0004793 ngày 18/6/2021.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDCC tại Tp. Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Bạc Liêu;
- TAND huyện P;
- CCTHADS huyện P;
- Dương sự;
- Lưu Tổ HCTP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Lệ Kiều